

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/DS-ST

Ngày: 06/7/2022

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HM TÂN**

- *THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Quang Sơn và ông Phạm Hữu Ái

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Vĩnh Nguyên - Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hm Tân tham gia phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hm Tân, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2022/QĐXXST-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Hồng H, sinh năm 1966 (*có mặt*)

- *Bị đơn:* Ông Lê Duy D, sinh năm 1961 (*có mặt*)

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Thôn L1, xã T, Huyện H, tỉnh Buôn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2021, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Hồng H trình bày:

Ngày 10/6/2021, bà Nguyễn Thị T đã vay của bà số tiền 1.750.000.000đ. Khi vay bà T có viết giấy xác nhận vay nợ, trong giấy ghi rõ thời hạn trả là 01 tháng sẽ trả vốn gốc cùng lãi suất là 2%/tháng. Quá thời hạn trả nợ, bà T không trả vốn gốc và lãi nên bà khởi kiện tại Tòa án. Quá trình giải quyết tại Tòa án, ngày 20/7/2021, chồng của bà T là ông Lê Duy D trả cho bà được 500.000.000đ và cam đoan với bà là sẽ trả cho bà số tiền còn lại nên bà rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó ông D trả tiếp cho bà thêm 100.000.000đ và còn nợ lại 1.150.000.000đ. Do ông D, bà T không trả tiếp khoản nợ còn lại nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Lê Duy D trả cho bà 1.150.000.000đ cùng lãi suất là 1,6%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Duy D trình bày:

Ông thừa nhận là bà Nguyễn Thị T (vợ ông) có vay của bà Trương Hồng H số tiền 1.750.000.000đ; ông đã trả cho bà H 600.000.000đ và còn nợ lại 1.150.000.000đ. Ông đề nghị bà H cho vợ chồng ông trả dần số nợ trên vì hiện tại chưa có khả năng trả dứt điểm một lần cho bà H được và đề nghị bà H không tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Hm Tân tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác, nhưng bà T không không đến Tòa án tham dự phiên họp, phiên tòa theo giấy triệu tập.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hm Tân tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng H buộc ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trương Hồng H 1.150.000.000đ tiền gốc cùng lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Trương Hồng H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T trả số tiền 1.150.000.000đ đã vay cùng lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T cư trú tại thôn L1, xã T, Huyện H, tỉnh Bùn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định

[2] Về nội dung vụ án:

Theo lời trình bày của bà Trương Hồng H thì vào ngày 10/6/2021, bà Nguyễn Thị T có vay của bà số tiền 1.750.000.000đ. Khi vay bà T có viết giấy xác nhận vay nợ, trong giấy ghi rõ thời hạn trả là 01 tháng sẽ trả vốn gốc cùng lãi suất là 2%/tháng. Quá thời hạn trả nợ, bà T không trả vốn gốc và lãi cho bà nên bà khởi kiện tại Tòa án. Quá trình giải quyết tại Tòa án ngày 20/7/2021, chồng của bà T là ông Lê Duy D trả cho bà được

500.000.000đ và cam đoan với bà là sẽ trả cho bà số tiền còn lại nên bà rút đơn khởi kiện. Sau đó ông D trả tiếp cho bà thêm 100.000.000đ và còn nợ lại 1.150.000.000đ. Do ông D, bà T không trả tiếp khoản nợ còn lại nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Lê Duy D trả cho bà 1.150.000.000đ cùng lãi suất là 1,6%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Trương Hồng H cung cấp “Giấy xác nhận vay nợ” do bà T viết tay thể hiện nội dung bà Nguyễn Thị T vay 1.150.000.000đ và 01 viết tay giấy thể hiện của ông Lê Duy D (*chồng bà Nguyễn Thị T*) thể hiện nội dung ông D đã trả cho bà H 500.000.000đ và chịu trách nhiệm trả cho bà H số tiền 1.250.000.000đ còn lại.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Duy D thừa nhận là bà Nguyễn Thị T (*vợ ông*) có vay của bà Trương Hồng H số tiền 1.750.000.000đ; ông đã trả cho bà H 600.000.000đ và còn nợ lại 1.150.000.000đ. Ông đề nghị bà H cho vợ chồng ông trả dần số nợ trên vì hiện tại chưa có khả năng trả dứt điểm một lần cho bà H được và đề nghị bà H không tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà không thực hiện nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử thấy rằng, tại thời điểm vay tiền ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T là vợ chồng nên theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình; do đó, ông D, bà T phải có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ trên. Vì vậy, bà Trương Hồng H khởi kiện yêu cầu ông Lê Duy D, bà Nguyễn Thị T phải thanh toán số tiền gốc là 1.150.000.000đ và tiền lãi là hoàn toàn có căn cứ.

Xét thấy, trong “Giấy xác nhận vay nợ” bà Nguyễn Thị T ghi nhận rõ số tiền và lãi suất phải trả là 2%/tháng, nhưng quá trình giải quyết vụ án bà Trương Hồng H chỉ yêu cầu phía bị đơn trả mức lãi 1,6%/ tháng đối với khoản nợ 1.150.000.000đ; việc yêu cầu mức lãi suất và thời gian tính lãi suất của nguyên đơn đối với khoản nợ 1.150.000.000đ phù hợp với quy định của pháp luật; vì vậy, Hội đồng xét xử cần buộc ông Lê Duy D, bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trương Hồng H 1.150.000.000đ nợ gốc và lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày vay cho đến ngày xét xử là phù hợp.

Số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 11/6/2021 đến ngày 06/7/2022 là 12 tháng 26 ngày x 1,6%/ tháng x 1.150.000.000đ = 236.746.666đ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Lê Duy D, bà Nguyễn Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho bà Trương Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Hồng H .

Buộc ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Trương Hồng H số tiền gốc là 1.150.000.000đ và 236.746.666đ tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi Hành án xong, bên phải thi Hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Lê Duy D và bà Nguyễn Thị T phải chịu 53.602.399đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trương Hồng H 24.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0007080 ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Hm Tân.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hm Tân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Tình